

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-11-2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Thịnh Quang Thắng.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Dương Xuân Đính**

2/ Bà **Hoàng Thị Hòa.**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Thanh Vân** – Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 507/2019/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Mai Q** - Sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã B, huyện Đ, Hà Nội; Chỗ ở: Thôn Quan Âm, xã B, huyện Đ, Hà Nội. Có mặt

2. Bị đơn: Anh **Lê Anh T** - Sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã B, huyện Đ, Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2019, các lời khai bổ sung, chị Vũ Thị Mai Q - nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân : Chị và anh Lê Anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 21/02/2013 tại UBND xã B, huyện Đ, Hà Nội. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chị về nhà anh T chung sống cùng gia đình anh T tại Thôn P, xã B, huyện Đ, Hà Nội một khoảng thời gian thì chuyển về nhà chị sinh sống cùng bố mẹ chị tại thôn Q, xã B, huyện Đ, Hà Nội đến nay. Vợ chồng chung sống đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày và đặc biệt do anh T không chịu làm ăn, ham chơi điện tử khiến cho vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau, tình cảm không còn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, căng thẳng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 02/12/2013 và Lê Mỹ H, sinh ngày 23/10/2015. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị đang làm ở bộ phận sản xuất bản mạch của Công ty trách nhiệm hữu hạn Panasonic System Networks Việt Nam, thu nhập theo mức lương cơ bản là 6.529.000đ nhưng thực tế thu nhập của chị là khoảng 15.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và chị cũng không trình bày hay kê khai gì.

**** Tại bản tự khai và các lời khai bổ sung, bị đơn - anh Lê Anh T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân : Anh và chị Vũ Thị Mai Q tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 21/02/2013 tại UBND xã B, huyện Đ, Hà Nội. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chị Q về nhà anh chung sống cùng gia đình tại Thôn P, xã B, huyện Đ, Hà Nội một thời gian thì chuyển về nhà chị Q chung sống cùng gia đình chị Q tại thôn Q, xã B, huyện Đ, Hà Nội. Đến Tháng 8/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn để giải phóng cho chị Q và để anh ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 02 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 02/12/2013 và Lê Mỹ H, sinh ngày 23/10/2015. Hiện tại cháu P ở với chị Q, cháu H ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị mỗi người nuôi 01 con chung, nếu có thể anh đề nghị được trực tiếp nuôi con Lê Hoàng P, chị Q nuôi con chung là Lê Mỹ H. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh làm tự do về in ấn, biển quảng cáo thu nhập khoảng từ 3.000.000đ đến 7.000.000đ và cũng có thể hơn.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Anh xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và anh cũng không trình bày hay kê khai gì.

Tại phiên tòa:

+ Chị Vũ Thị Mai Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T ; Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 02/12/2013 và Lê Mỹ H, sinh ngày 23/10/2015, ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không

yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh Lê Anh T đồng ý ly hôn chị Q; Về con chung: anh và chị Q có 02 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 02/12/2013 và Lê Mỹ H, sinh ngày 23/10/2015, ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, chị Q nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Nếu anh không được nuôi dưỡng con chung, anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của chị Q là hợp pháp, việc chị Q, anh T thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 02/12/2013 và Lê Mỹ H, sinh ngày 23/10/2015. Ly hôn, giao cả hai con chung cho Quyên trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Q phải chịu cả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị Vũ Thị Mai Q có đăng ký kết hôn với anh Lê Anh T ngày 21/02/2013 tại UBND xã Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội. Chị Q xin ly hôn anh Lê Anh T. Anh T hiện đang cư trú tại thôn P, xã B, huyện Đ, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đ, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Vũ Thị Mai Q và anh Lê Anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2013 tại UBND xã B, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống đến tháng 8/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nay chị Q xin ly hôn, anh T đồng ý. Việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận là phù hợp với Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Q, anh T có 02 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 02/12/2013 và Lê Mỹ H, sinh ngày 23/10/2015. Chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P, còn cháu H để chị Q nuôi dưỡng.

Chị Q trình bày hiện nay là nhân viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Panasonic System Networks Việt Nam, thu nhập theo mức lương cơ bản là 6.529.000đ nhưng thực tế thu nhập của chị là khoảng 15.000.000đ/ tháng và có chỗ ở ổn định. Anh T trình bày hiện nay làm nghề tự do thu nhập khoảng 3.500.000đ/tháng.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: Địa phương cung cấp anh T không có nghề nghiệp gì; Gia đình họ hàng bên nhà anh T cung cấp thì anh T ham chơi điện tử và anh T không có công ăn việc làm nên không thể chăm sóc con được. Chị Q có thu nhập và chỗ ở ổn định. Hiện nay chị Q vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, cháu H mới ở với anh T được 2 tháng. Cháu H còn nhỏ, là con gái do đó cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ hơn.

Từ những căn cứ trên, căn cứ vào thực tế, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất và tinh thần. Do đó, giao cả hai con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Q, anh T không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi chung cho đến khi nào các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị Q, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Mai Q và anh Lê Anh T. Chị Vũ Thị Mai Q được ly hôn anh Lê Anh T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Vũ Thị Mai Q và anh Lê Anh T có 02 con chung là Lê Hoàng P, sinh ngày 02/12/2013 và Lê Mỹ H, sinh ngày 23/10/2015. Giao cả 02 con chung cho chị Vũ Thị Mai Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Lê Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị Q, anh T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Mai Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2017/0008922 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Chị Vũ Thị Mai Q và anh Lê Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- UBND xã Bắc Hồng
- Lưu hồ sơ.

Thịnh Quang Thắng